

NỘI DUNG 1. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC 1954-1975

1. Các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a. Giai đoạn 1954 -1960

- Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đứng lên khởi nghĩa.
- Phong trào bắt đầu từ các cuộc nổi dậy của nhân dân ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận) Trà Bồng (Quảng Ngãi)... rồi lan khắp miền Nam thành phong trào cách mạng rộng lớn, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre tháng 01 – 1960.
- Phong trào Đồng khởi thắng lợi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Ngày 20 – 12 – 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

b. Giai đoạn 1961-1965

- Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965): một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ. Thực chất của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”, tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”, sử dụng chiến thuật mới “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”.
- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị) bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), giành được nhiều thắng lợi quan trọng.
- Quân và dân miền Nam giành thắng lợi ở trận Ấp Bắc (Mỹ Tho, tháng 01 – 1963), bước đầu đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận”, mở ra khả năng đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Từ đây, phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” dấy lên khắp miền Nam.
- Trong những năm 1964 – 1965, quân dân ta giành những thắng lợi ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước)... gây cho quân đội Sài Gòn những thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã, làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

c. Giai đoạn 1965 -1968

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến tranh cục bộ là loại hình chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Mỹ, quân đội một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Để thực hiện chiến lược này, quân đội Mỹ mở nhiều cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào căn cứ của quân Giải phóng ở miền Nam.
- Quân dân miền Nam anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam, tháng 5 – 1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.
- Tiếp đó, quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966, 1966 – 1967) của Mỹ.
- Đầu năm 1968, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh (tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”).

d. Giai đoạn 1969 - 1973

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam (1969 – 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” là hình thức chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy. Mỹ tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn thực hiện chính sách bình định nông thôn ở miền Nam; đồng thời, hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971). Năm 1972, Mỹ còn thực hiện thủ đoạn ngoại giao lợi dụng mâu thuẫn Liên Xô – Trung Quốc, thỏa hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
- Quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sang Cam-pu-chia (1970).
- Phối hợp với quân và dân Lào đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719” của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, buộc Mỹ và quân đội Sài Gòn rút khỏi Đường 9 – Nam Lào (1971); từ đó, giữ vững hành lang chi viện từ hậu phương miền Bắc cho các chiến trường của ba nước Đông Dương.
- Xuân – hè 1972, quân và dân miền Nam mở cuộc Tiến công chiến lược đánh vào ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, buộc Mỹ tuyên bố “Mỹ hoá” trở lại (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”).
- Cuối năm 1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972) nhằm giành một thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã đánh trả không quân Mỹ những đòn đích đáng, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ; thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”. Trận “Điện Biên Phủ trên không” là thắng lợi quyết định của ta, buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí *Hiệp định Pa-ri* (27-01-1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

e. Giai đoạn 1973 -1975

- Với *Hiệp định Pa-ri*, Mỹ buộc phải rút quân về nước, so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.
- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh chống bình định lấn chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Chiến thắng Phước Long (01 – 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.
- Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975, 1976 và chỉ rõ “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”.
- Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với 3 chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Đến 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4 – 1975, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
- Ngày 02 – 5 – 1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.

2. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)

Nguyên nhân thắng lợi	<i>Nguyên nhân chủ quan</i>	– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, sáng tạo, tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. – Nhờ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết một lòng của nhân dân trên cả hai miền Nam – Bắc. – Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến ở cả hai miền; quân đội nhân dân Việt Nam trưởng thành và phát huy nghệ thuật quân sự của cha ông trong kháng chiến cứu nước.
	<i>Nguyên nhân khách quan</i>	– Sự phối hợp của nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia. – Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân tiến bộ trên thế giới.
Ý nghĩa lịch sử	<i>Trong nước</i>	– Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, thống nhất đất nước. – Mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.
	<i>Thế giới</i>	Tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

NỘI DUNG 2. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY.

1. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam (1975 - 1979).

a. Bối cảnh

- Sau khi lên nắm quyền ở Campuchia (4-1975) chính quyền Pôn Pốt (Khơ-me Đỏ) đã có nhiều hoạt động khiêu khích, lấn chiếm lãnh thổ Việt Nam.

b. Diễn biến chính

Thời gian	Nội dung chính
Từ sau ngày 30-4-1975 đến tháng 4-1977	Quân Pôn Pốt liên tục khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, gây xung đột biên giới
Đêm 30-4-1977	Quân Pôn Pốt tấn công và gây ra các vụ thảm sát ở Ba Chúc (An Giang), Tân Lập (Tây Ninh)...Quân và dân ta đánh đuổi quân xâm lấn, bảo vệ nhân dân, bảo vệ biên giới.
Cuối tháng 12-1978	Khơ-me đỏ huy động 19 sư đoàn tấn công xâm lược toàn bộ tuyến biên giới Tây Nam Việt Nam. Quân và dân ta mở cuộc phản công tiêu diệt và quét sạch quân xâm lược ra khỏi nước ta.
Đầu năm 1979	Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia chiến đấu, lật đổ chế độ diệt chủng Khơ-me đỏ, giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh (07-01-1979)

2. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989)

a. Bối cảnh

- Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kỹ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới...

b. Diễn biến chính

Thời gian	Nội dung chính
Ngày 17-02-1979	- Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân) tiến công sang 6 tỉnh biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).
Ngày 05-03-1979	- Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối dư luận quốc tế, Trung Quốc tuyên bố rút quân
Từ 1979 - 1989	- Tình hình tuyến biên giới phía Bắc nước ta vẫn tiếp tục căng thẳng, đặc biệt là ở Vị Xuyên (Hà Giang).

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4-1975 đến nay

- Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá Việt Nam của các thế lực thù địch.
 - Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.
 - Khẳng định cuộc đấu tranh của Việt Nam là chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng bất khuất chống ngoại xâm, tuân thủ đúng pháp luật quốc tế, thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

4. Một số bài học lịch sử của cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

- Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam.
 - Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.
 - Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của khu vực, quốc tế.
 - Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước.

NỘI DUNG 3. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

1. Giai đoạn khởi đầu của công cuộc Đổi mới (1986 - 1995).

a. Bối cảnh lịch sử

- Từ thập niên 80 của thế kỉ XX, kinh tế – xã hội Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng, yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam là phải tiến hành đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tiếp tục phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.
 - Tháng 12 – 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phân tích những sai lầm, khuyết điểm trong đường lối xây dựng đất nước và đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

b. Nội dung cơ bản công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 - 1995

Lĩnh vực	Sự kiện
Kinh tế	Chủ trương xóa bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6 – 1991) của Đảng Cộng sản, Việt Nam chủ trương hội nhập về kinh tế quốc tế.

Chính trị	Xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.
Văn hoá – xã hội	Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện để người lao động có việc làm, cải thiện điều kiện lao động. Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ, bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.
Quốc phòng – an ninh	Chủ trương xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, phát triển kinh tế – xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng – an ninh.
Đối ngoại	Chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam chủ trương quan hệ hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế (1996 - 2006)

a. Bối cảnh lịch sử

- Từ năm 1996, đường lối đổi mới tiếp tục được bổ sung hoàn thiện thông qua văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII (6-1996) và lần thứ IX (4-2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b. Nội dung cơ bản công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 - 2006

Lĩnh vực	Sự kiện
Kinh tế	- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đẩy mạnh phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.
Chính trị	Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước dân, do dân, vì dân, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước; lấy liên minh công nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
Văn hoá – xã hội	Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tăng mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Gắn liền tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội...
Quốc phòng – an ninh	Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh đất nước. Xây dựng quân đội và công an chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
Đối ngoại	Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

a. Bối cảnh lịch sử

- Đường lối đổi mới tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn, thông qua các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X (2006), lần thứ XI (2011), lần thứ XII (2016) và lần thứ XIII (2021).

b. Nội dung cơ bản công cuộc Đổi mới từ năm 2006 đến nay

Lĩnh vực	Sự kiện
Kinh tế	Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
Chính trị	Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm Nhà nước Việt Nam thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo
Văn hoá – xã hội	Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” một cách thiết thực và hiệu quả. Chủ trương mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá. Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân.
Quốc phòng – an ninh	Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; tăng cường cơ sở vật chất – kĩ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại.
Đối ngoại	Đẩy mạnh thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

4. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay

- Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Đổi mới toàn diện, đồng bộ có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- Đổi mới vì lợi ích nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.
- Kết hợp sức mạnh nội tại và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

NỘI DUNG 4. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI

1. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX

a. Bối cảnh lịch sử

- Đầu thế kỉ XX, cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp làm biến đổi kinh tế, xã hội, ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam.
- Con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến bế tắc, cần tìm con đường cứu nước mới.
- Các nhà yêu nước triển khai các hoạt động đối ngoại tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ các lực lượng tiến bộ cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc Việt Nam.

b. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước tiêu biểu

Nhà yêu nước	Thời gian	Hoạt động chính	Mục đích
Phan Bội Châu	1905 - 1909	Tổ chức phong trào Đông Du (1905 -1908) sang Nhật Bản, tiếp xúc với một số nhân vật như Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghị, Đại	Tìm kiếm sự giúp đỡ của những nhà

		Ôn... Tham gia thành lập <i>Đông Á Đồng minh Hội</i> và <i>Điền-Quế-Việt Liên minh</i>	yêu nước và nhân dân các nước như
	1909 -1925	Tiếp xúc với nhiều người yêu nước Trung Quốc; thành lập và triển khai hoạt động của <i>Việt Nam Quang Phục Hội</i> ; tham gia sáng lập <i>Hội Chấn Hoa Hưng Á</i> ; cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga...	Nhật, Trung Quốc, Đông Nam Á...đôi với công cuộc giành độc lập của Việt Nam
Phan Châu Trinh	1906	Sang Nhật rồi về nước gửi thư đề nghị Toàn quyền Đông Dương cải cách chế độ cai trị, mở mang kinh tế, giáo dục đối với nhân dân Việt Nam	Tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng cấp tiến cho cách mạng Việt Nam
	1911 - 1925	Hoạt động tại Pháp, thành lập <i>Nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp</i> ; gửi kiến nghị lên chính phủ Pháp; lên án chính sách cai trị của chính quyền Pháp ở Đông Dương; viết báo, diễn thuyết thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam	
Nguyễn Ái Quốc	1911 -1923	Cuối 1917 trở lại Pháp: gia nhập <i>Đảng Xã hội Pháp</i> ; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; gửi <i>Bản Yêu sách của nhân dân An Nam</i> đến Hội nghị Véc-xai; thành lập <i>Hội Liên hiệp thuộc địa</i> , chủ nhiệm kiêm chủ bút báo <i>Người cùng khổ</i> ...	Xác lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa; xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động các nước; liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới.
	1923 -1930	Tham gia các hoạt động của <i>Quốc tế Cộng sản</i> tại Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á; tham gia thành lập <i>Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông</i>	

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

a. Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

- Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn này có nhiệm vụ trọng tâm là phục vụ cho kháng chiến

b. Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa
Ngày 06 – 3 – 1946	Kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.	Tranh thủ thời gian hoà hoãn chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến.
Ngày 14 – 9 – 1946	Kí với Pháp bản Tạm ước.	
Năm 1949	Tham gia đại hội sáng lập Hội đồng Hoà bình thế giới.	Thể hiện thiện chí hoà bình, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.
Từ năm 1950 – 1954	Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương.	Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
Ngày 08 – 5 – 1954	Phái đoàn ngoại giao Việt Nam tham dự Hội nghị Quốc tế về Đông Dương.	Buộc Pháp rút quân, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
Ngày 21 – 7 – 1954	Kí <i>Hiệp định Giơ-ne-vơ</i> .	

3. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)**a. Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975**

- Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn này có nhiệm vụ trọng tâm là triển khai chủ động, tích cực và có những đóng góp lớn vào công cuộc kháng chiến của cả dân tộc

b. Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975

Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa
Giai đoạn 1954 - 1964	- Dựa vào cơ sở pháp lí của Hiệp định Giơ-ne-vơ, đấu tranh chống lại các chính sách và hành động phá hoại hiệp định của Mỹ - Diệm. - Tăng cường đoàn kết ba dân tộc Đông Dương; mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước vừa giành được độc lập	Thúc đẩy hình thành mặt trận thế giới đoàn kết với Việt Nam
Giai đoạn 1965 - 1975	- Tuyên truyền tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến; tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược và tội ác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. - Tiếp tục củng cố mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương; tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa. - Phối hợp hoạt động giữa hai miền Nam, Bắc buộc Mỹ phải kí <i>Hiệp định Pa-ri</i> về	- Thúc đẩy hình thành phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới chống chiến tranh, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam - Góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

	chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.	
--	--	--

4. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

a. Nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến nay

- Từ năm 1986, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã tích cực đóng góp vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

b. Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

Các đối tác	Hoạt động đối ngoại chủ yếu
Đông Nam Á	Việt Nam cùng các nước tích cực tham gia tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia. Quan hệ song phương và đa phương giữa ba nước Đông Dương ngày càng củng cố và mở rộng. Việt Nam kí nhiều hiệp ước hợp tác với các thành viên ASEAN và chính thức gia nhập ASEAN vào tháng 7 – 1995.
Trung Quốc	Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ (tháng 11 – 1991), hai nước kí kết <i>Hiệp ước về biên giới trên đất liền</i> (tháng 12 – 1991), kí <i>Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ</i> (tháng 12 – 2000). Năm 2008, quan hệ song phương giữa hai nước đã nâng lên tầm đối tác chiến lược toàn diện.
Hoa Kỳ	Nỗ lực ngoại giao hoà bình của Việt Nam đã đem lại thành công: phá bỏ cấm vận (1994), thiết lập quan hệ ngoại giao (1995), kí <i>Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ</i> (2000), cải thiện và nâng cấp quan hệ giữa hai nước lên đối tác chiến lược toàn diện (2023).
Các quốc gia khác	– Việt Nam đã tăng cường hợp tác nhiều mặt với Liên bang Nga, đổi mới quan hệ với các nước Đông Âu và bạn bè truyền thống. – Cải thiện và tăng cường quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa có nền công nghiệp phát triển.
Các tổ chức và diễn đàn quốc tế	– Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức và diễn đàn khu vực, quốc tế; tham gia nhiều công ước, điều ước quốc tế; chủ động phát huy vai trò, sáng kiến đóng góp vào xây dựng, định hình các thể chế đa phương; hợp tác với cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu. – Việt Nam được cộng đồng quốc tế tín nhiệm bầu làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 – 2009 và 2020 – 2021, thành viên Hội đồng Nhân quyền nhiệm kì 2014 – 2016 và 2023 – 2025.

NỘI DUNG 5. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

- Thực dân Pháp xâm lược, cai trị và tiến hành khai thác thuộc địa đã làm cho mâu thuẫn toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng gay gắt.

- Phong trào yêu nước theo các hệ tư tưởng như: phong kiến, dân chủ tư sản...không thành công, cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc, đòi hỏi phải tìm con đường cứu nước mới để giải phóng dân tộc.

- Nghệ An là vùng đất giàu truyền thống, có nhiều người yêu nước, lãnh đạo các phong trào yêu nước chống thực dân xâm lược.

- Hồ Chí Minh sinh ra trong một nhà Nho yêu nước, giàu lòng thương người, trọng nghĩa khí...

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

Giai đoạn	Hoạt động chủ yếu
-----------	-------------------

Từ 1890 - 1911	- Ngày 19-5-1890: Nguyễn Sinh Cung sinh ra tại làng Hoàng Trù - Năm 1895: Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào Huế sinh sống, - Năm 1901: Nguyễn Tất Thành theo học ở Trường Tiểu học Pháp - Việt (Vinh) - Năm 1906: Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học Trường Tiểu học Pháp- Việt Đông Ba, Trường Quốc học Huế... - Năm 1910: Nguyễn Tất Thành đi vào Phan Thiết, dạy học ở Trường Dục Thanh. - Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành (lấy tên Văn Ba) bắt đầu ra nước ngoài..
Từ 1911 - 1941	- Từ 1911 - 1917, Nguyễn Tất Thành đi nhiều nước để tìm đường cứu nước và tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. - Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia hoạt động <i>Đảng Xã hội Pháp</i>. - Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai bản <i>Yêu sách của nhân dân An Nam</i>. - Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc <i>Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lê-nin, Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc- con đường cách mạng vô sản. - Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành <i>Quốc tế Cộng sản</i> và tham gia sáng lập <i>Đảng Cộng sản Pháp</i>. - Từ giữa năm 1921 đến tháng 6-1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Pháp, tham gia thành lập <i>Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa</i> (1921), ra báo <i>Người cùng khổ</i>... - Từ tháng 6-1923 đến cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. - Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu (Trung Quốc) - Năm 1925, Người thành lập <i>Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên</i> và ra báo <i>Thanh niên</i> (21-6-1925). - Từ giữa năm 1927 đến cuối 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, Đức, Xiêm... - Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì <i>Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i>. - Ngày 28-01-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
Từ 1941 - 1945	- Tháng 5 -1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, sáng lập <i>Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh)</i> - Tháng 8 - 1942, Nguyễn Ái Quốc (lấy tên Hồ Chí Minh) sang Trung Quốc liên lạc với lực lượng Đồng minh chống phát xít. - Tháng 9 - 1944, Hồ Chí Minh về nước lãnh đạo cách mạng, ra Chỉ thị <i>Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân</i> (22-12-1944) - Tháng 8 -1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, Người được cử làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Ngày 02-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
Từ 1945 - 1969	- Từ tháng 9-1945 đến 12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chống thù trong giặc ngoài. - Từ tháng 12-1946 đến 7-1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng Đông Dương (2-1951).

	- Từ tháng 7 -1954 đến 9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) và lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. - Ngày 02-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Thủ đô Hà Nội.
--	--

3. Hành trình tìm đường cứu nước (1911-1920)

a. Hành trình

- Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành (lấy tên Văn Ba) rời bến Nhà Rồng (Sài Gòn) bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.
- Từ 1911 - 1917, Nguyễn Tất Thành đi nhiều nước và đã thấy rõ bản chất tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc và sự cùng cực của người lao động.
- Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ nước Anh trở lại Pháp, tham gia *Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp*.
- Năm 1919, Người lấy tên Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*.
- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc- con đường cách mạng vô sản.

b. Ý nghĩa

- Việc tìm ra con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần trực tiếp vào việc giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

4. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

* Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc bấy giờ chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc vạch trần bản chất, tội ác của chủ nghĩa đế quốc, tập hợp lực lượng và tuyên truyền con đường cách mạng vô sản
- Tại Pháp, tham gia sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* (1921), ra báo *Người Cùng khổ* (Le Paria), viết bài trên báo *Nhân đạo*, viết *Bản án chế độ thực dân Pháp*...
- Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân, Đại Hội quốc tế Cộng sản, tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng Đảng Cộng sản Liên Xô và chính quyền Xô viết, viết bài cho *Tạp chí Cộng sản*, *Tạp chí Thư tín quốc tế*... Qua đó, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng nhiều vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin hình thành những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

* Chuẩn bị về tổ chức

- Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (1925) ra báo *Thanh niên* (21-6-1925) mở các lớp đào tạo huấn luyện cán bộ cách mạng, các bài giảng được tập hợp và in thành tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927).
- Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và ảnh hưởng của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* đã thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản: *Đông Dương Cộng sản đảng* (6-1929), *An Nam Cộng sản đảng* (8-1929) và *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* (9-1929).

b. Triệt tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Nửa sau năm 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời đã thúc đẩy phong trào cách mạng cả nước phát triển mạnh mẽ, nhưng các tổ chức này hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm

cho cách mạng Việt Nam có nguy cơ chia rẽ lớn. Vì vậy, cần phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng cộng sản duy nhất.

- Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc về Cửu Long (Hương Cảng- Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

c. Ý nghĩa việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

- Sự ra đời của Đảng là một sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam: chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam; mở ra một thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Sự ra đời của Đảng là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

5. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, thành lập Việt Minh.

** Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8*

- Ngày 28-01-1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Tháng 5 -1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tại Pác Pó (Cao Bằng).

- Hội nghị đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương.

- Hội nghị xác định hình thái của các cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm.

** Thành lập Mặt trận Việt Minh.*

- Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) được thành lập ngày 19-5-1941, tập hợp và đoàn kết rộng rãi toàn bộ dân tộc nhằm thực hiện 2 điều: 1. Làm cho nước Việt Nam độc lập hoàn toàn; 2. Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

- Mặt trận Việt Minh đã chuẩn bị trực tiếp về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa, đóng vai trò nòng cốt có ý nghĩa quyết định cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

b. Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

- Trên cơ sở các đội du kích và Cứu quốc quân, Hồ Chí Minh đã ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân*, nhằm mục đích "lập ra đội chủ lực".

- Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập.

c. Lãnh đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- Dự báo đúng tình hình và nắm bắt rõ thời cơ 9 mùa Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì hội nghị toàn quốc của đại ngày 14 và ngày 15 tháng tám 1945 thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.

- Tiếp đó, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì *Đại hội Quốc dân* tại Tân Trào (ngày 16 và 17-8-1945) tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của đảng, "*hiệu triệu nhân dân toàn quốc*" thi hành 10 chính sách lớn của Việt Minh, quyết định Quốc kỳ và Quốc ca của Việt Nam, thành lập *Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, ngay sau đó Người có *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*.

- Ngày 28-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cải tổ Ủy ban Dân tộc giải phóng thành Chính phủ lâm thời và bắt tay soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, thay mặt Chính phủ lâm thời Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng công bố bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.

6. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1969).

Thời gian	Hoàn cảnh đất nước	Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh
1945-1946	Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", đối mặt với nạn đói, nạn mù chữ, sự chống phá của các thế lực ngoại xâm, nội phản...	- Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra những công việc cấp bách, lãnh đạo Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ cơ bản đầu tiên của nền dân chủ cộng hòa, giải quyết nạn đói, nạn dốt và chống thù trong giặc ngoài. - Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập (5 - 1946) để mở rộng khối đoàn kết toàn dân. - Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động thiết lập mối quan hệ và tranh thủ sự ủng hộ của Liên hợp quốc, các nước Đồng minh về nền độc lập của Việt Nam. - Người khởi xướng và thực hiện sách lược "hòa để tiến", lợi dụng triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, mở rộng Chính phủ thành Chính phủ liên hiệp, ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và bản Tạm ước (14-9-1946) nhằm tranh thủ thời gian hòa hoãn chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.
1946 - 1954	Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp	- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. - Người cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, từ lực cánh sinh. - Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2-1951) tại chiến khu Việt Bắc. Đây là Đại hội kháng chiến thắng lợi. - Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ từng bước mở rộng hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ của các nước anh em, các nước láng giềng và bạn bè quốc tế. - Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo các chiến dịch quân sự như: chiến dịch Việt Bắc thu đông (năm 1947), chiến dịch Biên giới thu đông (năm 1950), cuộc Tiến công chiến lược Đông-Xuân (1953-1954) và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (năm 1954).
1954 - 1969	Đất nước bị chia cắt làm hai miền và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.	- Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9-1960) đề ra đường lối đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

	- Người thay mặt Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đi thăm và tăng cường các mối quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước anh em, bạn bè, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ quốc tế cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. - Người cùng Trung ương Đảng hoạch định đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng 2 miền Nam- Bắc, cùng Chính phủ tổ chức điều hành cuộc kháng chiến vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, xây dựng hậu phương miền Bắc, tăng cường sức mạnh cho tiền tuyến miền Nam. - Người nêu cao chân lý: "không có gì quý hơn độc lập tự do" và ý chí quyết tâm cho toàn dân tộc. " Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi". Người viết thư, gửi điện thăm hỏi, cổ vũ, động viên cán bộ chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân, đọc thơ chúc Tết đồng bào ta ở trong và ngoài nước mỗi dịp xuân về...
--	--

Hết